

Số: 442 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 04 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp
viên chức từ cán sự lên chuyên viên tỉnh Bắc Giang năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính; Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 542/SNV-CCVC ngày 26/4/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án số 04/ĐA-SNV ngày 26/4/2021 của Sở Nội vụ về tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ cán sự lên chuyên viên tỉnh Bắc Giang năm 2021.

(Kèm theo Đề án số 04/ĐA-SNV ngày 26/4/2021 của Sở Nội vụ)

Điều 2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo đúng quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ; các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TKCT, TH;
 - + Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ánh Dương

Số: 4 /ĐA-SNV

Bắc Giang, ngày 26 tháng 4 năm 2021

ĐỀ ÁN

Tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ cán sự lên chuyên viên tỉnh Bắc Giang năm 2021

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết của Đề án

Việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ cán sự lên chuyên viên tại tỉnh Bắc Giang là một bước quan trọng gắn liền với việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức; đảm bảo cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh.

Động viên, khuyến khích đội ngũ viên chức học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác; góp phần nâng cao chất lượng viên chức tỉnh Bắc Giang.

Cùng với việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, việc cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, đảm bảo yêu cầu năng lực đội ngũ phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị trong tình hình mới là cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính; Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 23/01/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước tỉnh Bắc Giang.

II. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hiện có

Hiện nay, tổng số viên chức của tỉnh là 34.160 người. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp cụ thể như sau:

- Chức danh nghề nghiệp hạng I: 45 người;
- Chức danh nghề nghiệp hạng II: 11.135 người;
- Chức danh nghề nghiệp hạng III: 16.746 người;
- Chức danh nghề nghiệp hạng IV: 6.234 người.

2. Số lượng viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp và đề xuất chỉ tiêu

Số lượng viên chức đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ cán sự lên chuyên viên (Mã số 01.003) tỉnh Bắc Giang năm 2021 là 67 người, cụ thể:

(có danh sách chi tiết kèm theo).

Căn cứ vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và nhu cầu của các đơn vị, Sở Nội vụ đề xuất chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ cán sự lên chuyên viên tỉnh Bắc Giang năm 2021 bằng chỉ tiêu đăng ký dự thi.

3. Dự kiến thành viên tham gia Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ cán sự lên chuyên viên tỉnh Bắc Giang năm 2021 dự kiến gồm 07 thành viên, trong đó, Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Nội vụ; Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Giám đốc Sở Nội vụ; Ủy viên Hội đồng gồm: Phó Trưởng phòng Nội chính - Kiểm soát thủ tục hành chính Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng phòng Công chức, viên chức Sở Nội vụ kiêm Thư ký và một số công chức Sở Nội vụ có liên quan đến thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

4. Đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

4.1. Đối tượng dự thi

Viên chức làm việc ở các bộ phận hành chính, tổng hợp, tổ chức cán bộ, quản trị, văn phòng, kế hoạch, tài chính và các bộ phận không trực tiếp thực hiện chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Những người được tuyển dụng, bổ nhiệm theo chỉ tiêu biên chế đang làm việc trong các Hội ở cấp tỉnh, đang xếp và hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp chuyên viên.

4.2. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

4.2.1. Tiêu chuẩn chung

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2020; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ

luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi thăng hạng;

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự thi tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng.

4.2.2. Tiêu chuẩn cụ thể

a) Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- Nắm vững các quy định của pháp luật, chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ được giao;

- Hiểu rõ các mục tiêu và đối tượng quản lý, hệ thống các nguyên tắc và cơ chế quản lý của nghiệp vụ thuộc phạm vi được giao; hiểu được những vấn đề cơ bản về khoa học tâm lý, khoa học quản lý; tổ chức khoa học quản lý;

- Nắm rõ quy trình xây dựng các phương án, kế hoạch, các quyết định cụ thể và có kiến thức am hiểu về ngành, lĩnh vực được giao; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu;

- Có phương pháp nghiên cứu, tổng kết và đề xuất, cải tiến nghiệp vụ quản lý; có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có năng lực triển khai công việc bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả;

- Am hiểu thực tiễn, kinh tế - xã hội về công tác quản lý đối với lĩnh vực được giao; nắm được xu hướng phát triển của ngành, lĩnh vực ở trong nước;

- Công chức dự thi thăng hạng chuyên viên thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp cán sự hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (36 tháng). Trường hợp đang giữ chức danh nghề nghiệp nhân viên thì thời gian giữ chức danh nghề nghiệp nhân viên hoặc tương đương tối thiểu là 5 năm (60 tháng).

b) Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước chuyên viên hoặc bằng tốt nghiệp đại học ngành hành chính học, thạc sỹ quản lý hành chính công, tiến sỹ quản lý hành chính công;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ đào tạo tiếng dân tộc thiểu số do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp đối với công chức đang làm việc ở vùng dân tộc thiểu số;

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ tin học ứng dụng tương đương.

4.3. Hình thức, nội dung thi

Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức gồm 04 môn thi, cụ thể:

a) *Môn kiến thức chung*: thi trắc nghiệm trên giấy 60 câu hỏi về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật về ngành, lĩnh vực sự nghiệp, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi. Thời gian thi: 60 phút.

b) *Môn ngoại ngữ*: thi trắc nghiệm trên giấy 30 câu hỏi ngoại ngữ tiếng Anh. Thời gian thi: 30 phút.

Miễn thi môn ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

- Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác;
- Viên chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi;

- Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học hoặc có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy

định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

c) *Môn tin học*: thi trắc nghiệm trên giấy 30 câu hỏi. Thời gian thi: 30 phút.

Miễn thi môn tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

d) *Môn nghiệp vụ chuyên ngành*: thi viết trên giấy, thời gian 120 phút theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi, thang điểm 100.

4.4. Xác định người trúng tuyển

Viên chức trúng tuyển kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải có kết quả thi môn kiến thức chung, tin học, ngoại ngữ có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi (trừ trường hợp miễn thi môn tin học, ngoại ngữ).

Có kết quả điểm thi môn nghiệp vụ chuyên ngành đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp được giao.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm bài thi nghiệp vụ chuyên ngành bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì việc xác định người trúng tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: người dự tuyển là nữ; người dự tuyển là người dân tộc thiểu số; người dự tuyển nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh); có thời gian công tác nhiều hơn.

Nếu vẫn không xác định được thì Giám đốc Sở Nội vụ quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức.

Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

5. Dự kiến thời gian, địa điểm, hồ sơ, kinh phí thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

5.1. Thời gian: thời gian tổ chức thi dự kiến thực hiện trong tháng 9/2021.

5.2. Địa điểm: Trường THPT Ngô Sỹ Liên, thành phố Bắc Giang.

Thời gian thi và địa điểm cụ thể sẽ được Hội đồng thi thăng hạng viên chức thông báo trước ngày thi ít nhất 15 ngày.

5.3. Hồ sơ đăng ký

Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được lập thành 01 bộ, gồm có:

a) Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (*theo mẫu*);

b) Bản sơ yếu lý lịch (theo mẫu 2c-BNV/2008 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BNV ngày 06/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ), được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

c) Bản nhận xét, đánh giá, phân loại ở mức độ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập theo các nội dung: phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức; ý thức kỷ luật; năng lực, trình độ chuyên môn, kết quả công tác, trong đó nêu rõ kết quả đánh giá, phân loại viên chức của năm 2020 và đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ đăng ký dự thi;

d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi;

Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của ngạch, chức danh nghề nghiệp dự thi thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học thì không phải nộp chứng chỉ môn ngoại ngữ, tin học.

đ) Bản sao các quyết định về tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, quyết định lương hiện hưởng.

Hồ sơ đăng ký dự thi của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm (theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 06/2007/QĐ-BNV ngày 18/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành thành phần hồ sơ cán bộ, công chức và mẫu biểu quản lý hồ sơ cán bộ, công chức).

5.4. Kinh phí

Thực hiện theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Thành lập Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ cán sự lên chuyên viên.

Tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp, thẩm định; Quyết định danh sách viên chức có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng.

Công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi nâng ngạch của Hội đồng thi thăng hạng viên chức.

Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ cán sự lên chuyên viên.

Xây dựng dự toán các nội dung chi và định mức chi cho thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; tổ chức thu phí dự thi, quản lý và sử dụng theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào các quy định và điều kiện cụ thể nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh Đề án cho phù hợp với tình hình thực tế trình UBND tỉnh quyết định.

2. Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

Chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi theo Quy chế tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và các quy định khác có liên quan.

Hội đồng thi nâng ngạch thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ cán sự lên chuyên viên được sử dụng con dấu của Sở Nội vụ.

3. Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng viên chức

Thông báo công khai đến viên chức các nội dung của kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Lập danh sách, hồ sơ của viên chức đủ điều kiện, cử đi dự thi thăng hạng gửi Hội đồng thi thăng hạng viên chức của tỉnh theo thẩm quyền phân cấp.

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giao trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch thi thăng hạng.

Trên đây là Đề án tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ cán sự lên chuyên viên tỉnh Bắc Giang năm 2021, Sở Nội vụ trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh (b/c);
- Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, CCVC.

GIÁM ĐỐC



Vũ Mạnh Hùng

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NỘI VỤ

DANH SÁCH VIÊN CHỨC
ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHIỆP TỪ CÁN SỰ LÊN CHUYÊN VIÊN NĂM 2021
(Kèm theo Đề án số /ĐA-SNV ngày tháng 4 năm 2021 của Sở Nội vụ)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời điểm tuyển dụng	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng chức danh	Lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Miễn thi		Đăng ký môn thi ngoại ngữ	Ghi chú	
							Mã số	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Tin học	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Thăng hạng cán sự lên chuyên viên: 67																		
I SỞ NỘI VỤ																		
1	Hoàng Thị Lanh	27/02/1977	Viên chức	Trung tâm Lưu trữ lịch sử, Chi cục Văn thư - Lưu trữ, Sở Nội vụ	02/11/2000	01/11/2019	01.004	3,86	ĐH	Luật Kinh tế	QLNN chuyên viên	UDCNTTC B	Anh B	x	x			
II SỞ CÔNG THƯƠNG																		
1	Bùi Văn Tú	16/6/1988	Phó Trưởng phòng XTMM	Trung tâm KC&XTMM	15/10/2012	1/4/2019	01a.003	2,72	ĐH	Quản trị văn Phòng	QLNN, TCTT	B	B				Tiếng Anh	
III SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ																		
1	Nguyễn Quang Sang	25/8/1983	Cán sự	Trung tâm Ứng dụng KH&CN	16/1/2012	16/1/2012	01.004	2,86	ĐH	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	QLNN chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	
IV SỞ LAO ĐỘNG - TBXH																		
1	Hoàng Thị Tuyết	28/8/1989	Viên chức	Trung tâm điều dưỡng người có công	1/7/2011	1/7/2011	01a.003	3.03	ĐH	Quản trị văn phòng	QLNN chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	
2	Nguyễn Thị Thủy Ngân	30/10/1984	Viên chức	Trung tâm điều dưỡng người có công	1/8/2009	1/1/2010	01a.003	3.03	ĐH	Quản trị nhân lực	QLNN chuyên viên	B	C				Tiếng Anh	
3	Nguyễn Thị Lan Hương	26/05/1983	Viên chức	Trung tâm điều dưỡng người có công	1/8/2009	1/8/2009	01a.003	3.03	ĐH	Luật Kinh tế	QLNN chuyên viên	B	A2				Tiếng Anh	
4	Nguyễn Thanh Bình	19/11/1968	Viên chức	Cơ sở BTXH TH	1/8/2006	1/8/2006	01.004	2.66	ĐH	Kế toán	QLNN chuyên viên	A	B				Tiếng Anh	
5	Nguyễn Thị Lan Hương	25/9/1983	Viên chức	Cơ sở BTXH TH	1/6/2005	1/6/2005	01.004	3.06	ĐH	Kế toán	QLNN chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	
6	Chí Hà Quảng	28/10/1977	PTP Đồi sống DD	Cơ sở BTXH TH	26/9/2006	26/9/2006	01.004	3.26	ĐH	Kế toán	QLNN chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời điểm tuyển dụng	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng chức danh	Lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Miễn thi		Đăng ký môn thi ngoại ngữ	Ghi chú	
							Mã số	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Tin học	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
7	Nguyễn Thu	Giang	22/5/1985	Viên chức	Cơ sở BTXHTH	1/2/2011	1/2/2011	01.004	2.66	ĐH	Luật kinh tế	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
8	Đào Thị Thu		28/04/1981	Viên chức	TTDVVL	01/7/2003	01/7/2003	01.004	3.66	ĐH	Lao động-XH	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
9	Lành Thị Vân	Khánh	02/9/1986	Viên chức	TTDVVL	01/7/2011	01/7/2011	01a.003	3.03	ĐH	Luật	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
10	Nguyễn Thị Luân		2/2/1986	Viên chức	Trung tâm điều dưỡng người có công	1/1/2009	1/1/2009	01a.003	3.03	ĐH	CTXH	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
V	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																	
1	Nguyễn Thị Chúc		06/12/1987	Viên chức	CD Ngô Gia Tự	01/7/2011	01/7/2012	01a.003	2.72	ThS	QL nguồn nhân lực		B	B1			Tiếng Anh	
VII	SỞ Y TẾ																	
1	Phạm Thị Ngọc	Anh	29/10/1991	Cán sự	Bệnh viện Phổi	1/9/2014	1/9/2014	01.004	2.41	ĐH	Quản trị văn phòng	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
2	Trương Thị Thu	Hương	10/2/1986	Viên chức	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang (Trung tâm CDC)	8/1/2009	8/1/2009	01.004	3.03	ĐH	Công nghệ thông tin	QLNN chuyên viên	ĐH	B	Miễn thi		Tiếng Anh	
3	Đỗ Thị Hà		20/8/1988	Viên chức	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang (Trung tâm CDC)	8/1/2010	8/1/2010	01.004	2.72	ĐH	Quản trị văn phòng	QLNN chuyên viên	B	C			Tiếng Anh	
4	Trần Thị Bích	Hợp	6/12/1985	Viên chức	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Giang (Trung tâm CDC)	8/1/2009	1/1/2020	01.004	3.03	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	QLNN chuyên viên	B	C			Tiếng Anh	
5	Nguyễn Thị Ngân		7/1/1987	Cán sự	Trường Trung cấp Y tế	01/7/2008	01/6/2018	01.004	3.03	ĐH	Quản trị văn phòng	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
VIII	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH																	
1	Đỗ Thị Bạch	Trà	20/12/1985	Viên chức	Trung tâm VHĐA tỉnh	01/09/2005	7 năm 8 tháng	01.004	2.66	ĐH	Cử nhân Quản trị kinh doanh	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
2	Nguyễn Anh	Linh	6/9/1979	Viên chức	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh Bắc Giang	01/07/2008	01/07/2008	01a.003	3.65	ĐH	Công tác xã hội	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
X	BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG																	
1	Phạm Thị Thanh	Nga	20/11/1984	Cán sự	Phòng Tổ chức Hành chính	8/1/2010	8/1/2010	01.004	2.86	ĐH	Tài chính ngân hàng	Chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời điểm tuyển dụng	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng chức danh	Lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Miễn thi		Đăng ký môn thi ngoại ngữ	Ghi chú	
							Mã số	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Tin học	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
XI	HỘI LHTN																	
	<i>Chuyên viên A0 lên Chuyên viên</i>																	
1	Vũ Thị Kim Oanh	10/9/1978	Chuyên viên A0 (Cao đẳng)	Ban Phong trào thanh niên	4/7/2008	2/11/2020	01a.003	3.34	ĐH	Kế toán	QLNN chuyên viên	B	C				Tiếng Anh	
XII	UBND HUYỆN HIỆP HÒA																	
1	Nguyễn Thị Hương	07/6/1993	Viên chức	Kho Lưu trữ-Phòng Nội vụ huyện Hiệp Hòa	01/9/2024	01/3/2014	01.004	2.46	ĐH	Luật Kinh tế	QLNN chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	
2	Nguyễn Văn Đạt	19/5/1977	Viên chức	Ban QLDA đầu tư xây dựng	15/9/2011	15/3/2011	01.004	2.86	ĐH	Kỹ thuật xây dựng công trình	QLNN chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	
3	Hoàng Văn Việt	20/4/1983	Viên chức	Ban QLDA đầu tư xây dựng	01/10/2012	01/10/2012	01.004	3.06	ĐH	GTVT: Xây dựng cầu đường	QLNN chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	
4	Ngô Hiếu Trung	1/9/1983	Viên chức	Ban QLDA đầu tư xây dựng	01/10/2012	01/10/2012	01.004	3.06	ĐH	Xây dựng	QLNN chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	
5	Mạc Thị Ánh	10/8/1988	Viên chức	MN Đức Thắng	01/3/2012	01/3/2012	01a.003	2.72	ĐH	Kế toán	Kế toán viên	B	B				Tiếng Anh	
6	Nguyễn Thị Bích	16/10/1990	Viên chức	MN Mai Trung số 2	01/10/2012	01/10/2013	01a.003	2.72	ĐH	Kế toán	Kế toán viên	B	B				Tiếng Anh	
7	Hà Thị Hải Yến	27/10/1982	Viên chức	TH Lương Phong số 1	01/6/2005	01/12/2007	01.004	3.06	ĐH	Kế toán	Kế toán viên	B	B				Tiếng Anh	
8	Nguyễn Như Nguyệt	11/9/1985	Viên chức	Trường THCS Bắc Lý	1/1/2012	22/2/2021	01.004	2.66	ĐH	Kế toán	Kế toán viên	B	B				Tiếng Anh	
9	Tạ Thị Thom	10/07/1977	Viên chức	THCS Đoàn Bái	01/6/2005	01/12/2007	01.004	3.06	ĐH	Kế toán	Kế toán viên	B	B				Tiếng Anh	
10	Chu Hải Lý	2/3/1984	Viên chức	THCS Hoàng Lương	01/10/2006	01/01/2009	01.004	2.86	ĐH	Kế toán	Kế toán viên	B	B				Tiếng Anh	
XIII	HUYỆN LẠNG GIANG																	
1	Nguyễn Thúy Anh	24/12/1989	Viên chức	Ban An toàn giao thông huyện	1/8/2012	1/8/2013	01a.003	2.72	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	QLNN chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	
2	Vũ Thị Đoan	26/9/1984	Văn thư	Trường THCS Tân Hưng	1/10/2009	1/4/2010	01.004	2.86	ĐH	Kế toán	Đang học QLNN chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	
3	Nguyễn Văn Xuân	10/4/1985	Văn thư	Trường THCS Đại Lâm	15/10/2012	15/10/2012	01a.003	2.72	ĐH	Luật kinh tế	QLNN chuyên viên	A					Tiếng Anh	

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời điểm tuyển dụng	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng chức danh	Lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Miễn thi		Đăng ký môn thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Mã số	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Tin học	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Nguyễn Thế	Anh	26/1/1990	Văn thư	Trường Tiểu học Thái Đào	15/10/2012	15/10/2013	01a.003	2.72	ĐH	Luật kinh tế	QLNN chuyên viên	B	A2			Tiếng Anh	
5	Ngô Thị	Trang	9/9/1988	Kế toán	Trường Tiểu học Đào Mỹ	1/9/2011	1/3/2012	01.004	2.66	ĐH	Kế toán	QLNN chuyên viên	B	C			Tiếng Anh	
XIV	HUYỆN LỤC NAM																	
1	Nguyễn Văn	Toàn	7/6/1982	Viên chức	BQL khu DLST Suối Mỡ	1/1/2013	07 năm 2 t	01.004	2.66	ĐH	Quản trị KD	Chuyên viên	B	Sơ cấp bậc 2			Tiếng Anh	
XV	HUYỆN LỤC NGẠN																	
1	Bùi Văn	Dũng	23/4/1978	Viên chức	Đội quản lý trật tự giao thông, xây dựng và môi trường	10/4/2003		01.004	3.46	ĐH	Xây dựng công trình	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
2	Thân Thị Hồng	Quyên	1/1/1985	Viên chức	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	26/9/2006	1/1/2010	01a.031	3.34	ĐH	Kế toán	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
3	Lại Văn	An	25/12/1983	Viên chức	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Lục Ngạn	1/7/2011	1/7/2020	01a.003	3.03	ĐH	Quản trị VP	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
XVII	HUYỆN YÊN THẾ																	
1	Nguyễn Hoàng	Trang	19/08/1986	Viên chức	Hội người mù	1/4/2011	1/4/2011	01.004	2.86	ĐH	Quản trị nhân lực	QLNN chương trình CV	B	B			Tiếng Anh	
2	Hà Thị	Tiêm	10/09/1983	Viên chức	Kho lưu trữ	1/7/2011	1/7/2011	01.004	2.86	ĐH	Quản lý nhà nước	ĐH QLNN	B	B			Tiếng Anh	
3	Nguyễn Thị	Phương	28/10/1985	Viên chức	THCS Xuân Lương	01/07/2011	01/01/2012	01.004	2.66	ĐH	Quản trị VP		B	B			Tiếng trung	
4	Đào Thị	Liễu	27/8/1991	Viên chức	THCS Hương Vỹ	01/9/2014	01/3/2015	01.004	2.26	ĐH	Lưu trữ học		CB	B			Tiếng Anh	
XVIII	HUYỆN YÊN DŨNG																	
1	Vũ Đình	Quảng	25/9/1985	Viên chức	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	1/6/2012	1/6/2012	01.004	2.66	ĐH	Kinh tế XD	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
2	Nguyễn Thị	May	18/8/1988	Viên chức	Trung tâm Phát triển quỹ đất và CCN	15/11/2021	15/11/2021	01.004	2.66	ĐH	Kế toán	Kế toán viên, QLNN chuyên viên	A	B			Tiếng Anh	
3	Trần Văn	Quỳnh	20/10/1981	Viên chức	Đội quản lý TT Giao thông, XD và MT	1/10/2012	1/10/2012	01.004	3.66	ĐH	Luật KT	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	

STT	Họ và	tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời điểm tuyển dụng	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng chức danh	Lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Miễn thi		Đăng ký môn thi ngoại ngữ	Ghi chú
								Mã số	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Tin học	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Lê Văn	Đan	1/5/1985	Viên chức	Hội Người cao tuổi	1/1/2011	1/10/2012	01a.003	3.03	ĐH	Kế toán	Kế toán viên, QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
5	Tạ Hải	Năm	27/8/1985	Viên chức	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	16/3/2010	16/8/2016	01.004	2.86	ĐH	Kinh tế	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
6	Nguyễn Thị Hà		20/6/1988	NV Thư viện	Trường TH Đồng Việt	1/12/2012	1/12/2012	01a.003	2.72	ĐH	Quản trị văn phòng	QLNN chuyên viên, Nghiệp vụ lưu trữ; văn thư	B	B			Tiếng anh	
XIX HUYỆN VIỆT YÊN																		
1	Đỗ Thị Thanh	Huyện	11/03/1983	Viên chức	Trung tâm Phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp	15/06/2012	15/06/2012	01.004	2,26	Đại học	Quản lý nhà nước	QLNN chuyên viên	B	B1			Tiếng Anh	
2	Nguyễn Văn	Cần	01/08/1981	Viên chức	Phòng Nội vụ	15/10/2012	15/10/2012	01a.003	2,72	Th.s	Quản trị kinh doanh	QLNN chuyên viên	Cơ bản	B1			Tiếng Anh	
3	Nguyễn Văn	Tài	28/01/1985	viên chức	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	01/07/2011	19/02/2021	01.004	2,66	ĐH	Kinh tế nông nghiệp	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
XX HUYỆN SƠN ĐỘNG																		
1	Nguyễn Văn	An	24/1/1990	Cán sự	Trung tâm Phát triển quỹ đất và CCN	15/10/2011	16/4/2012	01.004	2.66	ĐH	QL đất đai	Chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
XXI UBND TP BẮC GIANG																		
1	Trần Thị Bình	Tâm	06/06/1986	Viên chức	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thành phố	01/9/2014	01/9/2014	01.004	2.66	Đại học	Luật Kinh tế	QLNN chuyên viên; Phát thanh viên hạng III	B	C			Tiếng Anh	
2	Phan Đình	Tuyên	10/6/1977	Viên chức	Trung tâm Phát triển quỹ đất và CCN	1/12/2012	1/12/2012	01.004	3.06	Đại học	Luật Kinh tế	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	
3	Thân Thị	Linh	11/3/1986	Viên chức	Đội Quản lý trật tự Giao thông Xây dựng và Môi trường	1/7/2018	1/1/2009	01.004	3.06	Đại học	Luật Kinh tế	QLNN chuyên viên	Trung cấp	Bậc 2			Tiếng Anh	
4	Nguyễn Thị Thúy	Nga	12/10/1991	Văn thư	Trường THCS Mỹ Độ	01/9/2014		01.004	2.06	Đại học	Lưu trữ học		B	B			Tiếng Anh	
5	Nguyễn Trọng	Mạnh	07/3/1981	Kế toán	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	1/12/2005	1/6/2006	01.004	3.26	Đại học	Kế toán	QLNN chuyên viên	B	B			Tiếng Anh	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hoặc chức danh	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời điểm tuyển dụng	Thời gian gần nhất giữ hạng cùng chức danh	Lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi					Miễn thi		Đăng ký môn thi ngoại ngữ	Ghi chú	
							Mã số	Hệ số lương	Trình độ	Chuyên ngành đào tạo	Chứng chỉ bồi dưỡng CDNN	Tin học	Ngoại ngữ	Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
XXII BỆNH VIỆN SẢN NHI																		
1	Dương Thị Hương	19/8/1984	Viên chức	Bệnh viện Sản Nhi	1/9/2005	1/3/2006	01.004	3.34	ĐH	Kế toán	QLNN chuyên viên	TC	B	x			Tiếng Anh	
2	Phí Quang Hưng	2/11/1980	Viên chức	Bệnh viện Sản Nhi	1/1/2002	11/1/2017	01.004	3.96	ĐH	Luật kinh tế	QLNN chuyên viên	B	B				Tiếng Anh	
3	Hàn Thị Như Quỳnh	24/12/1984	Viên chức	Bệnh viện Sản Nhi	7/1/2008	1/1/2009	01.004	3.03	ĐH	Toán - Tin ứng dụng	QLNN chuyên viên	ĐH	B	x			Tiếng Anh	
XXIII TTYT HUYỆN LẠNG GIANG																		
1	Đỗ Tất Nhiên	05/03/1976	Phó Giám đốc	TTYT huyện Lạng Giang	10/09/1996	01/09/2010	01a.003	4,27	ĐH	Kinh tế và phát triển nông thôn	Chuyên viên	B	C				Tiếng Anh	
XXIV TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SƠN ĐỘNG																		
1	Đình Thị Nguyệt	7/4/1985	Viên chức	Phòng TC-HC	7/1/2008	12/1/2011	01.004	3.04	ĐH	CNTT	Chuyên viên	Kỹ sư CNTT	Anh B				Tiếng Anh	
XXV TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TÂN YÊN																		
1	Nguyễn Thị Ngọc Mai	10/2/1987	Viên chức	TTYT huyện Tân Yên	8/1/2010	4/4/2011	01.004	2.86	ĐH	Quản trị văn phòng	Chuyên viên	Cơ bản	Bậc 2				Tiếng Anh	